

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 01/2018 HNGĐ-ST

Ngày 12/01/2018

V/v: “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Long Thị Thu Hà.
2. Bà Tần Thị Thanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai
tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp: “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cư Thị M.

Địa chỉ: Thôn Chu L, xã L, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Thào D.

Địa chỉ: Thôn Chu L, xã L, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại đội 21, phân trại số 4, Trại giam Q tỉnh T. (Có đơn xét xử vắng mặt).

3. Người phiên dịch: Chị Cư Thị C.

Địa chỉ : Tổ dân phố H, thị trấn MK, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2017 và biên bản ghi lời khai ngày 29 tháng 11 năm 2017 nguyên đơn chỉ Cur Thị M trình bày: Chị và anh Thào D lấy nhau năm 1997 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã mà chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Hôn nhân tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào. Sau khi cõng nhau về thời gian đầu sống hoà thuận hạnh phúc. Đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh M vi phạm pháp luật và bị bắt. Ngày 30/01/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chị Cur Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian anh M chấp hành hình phạt tù là quá lâu, chị không chờ đợi lâu được. Nên chỉ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Thào D được ly hôn.

Về con: Trước khi lấy nhau chị và anh M không ai có con riêng vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi lấy nhau về chị và anh M sinh được bốn người con chung cháu lớn là Thào Thị L sinh ngày 02/8/1998, cháu thứ hai là Thào Thị C sinh ngày 20/7/2001, cháu thứ ba là Thào Seo L sinh ngày 01/02/2004, cháu thứ tư là Thào Thị R sinh ngày 16/5/2009 nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn anh M thì chị sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu Thào Thị C, Thào Seo L và Thào Thị R đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ba cháu . Hiện nay cháu Thào Thị L đã đến tuổi trưởng thành vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Trước khi kết hôn chị và anh M không có tài sản riêng gì vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung chị và anh M tạo dựng được một số tài sản như nhà , đất thổ cư, đất ruộng, đất nương nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Chị và anh M không nợ ai và không cho người khác vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 12 năm 2017 bị đơn là anh Thảo D không đồng ý ly hôn với chị Cư Thị M, anh cho rằng chị M hàng năm vẫn vào thăm nom, động viên anh trong thời gian anh chấp hành án phạt tù một vài lần. vì vậy anh xét thấy tình cảm vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con: Trong thời gian chung sống anh, chị không ai có con riêng mà sau khi lấy nhau về sinh được bốn người con chung cháu lớn là Thảo Thị L sinh

ngày 02/8/1998, cháu thứ hai là Thảo Thị C sinh ngày 20/7/2001, cháu thứ ba là Thảo Seo L sinh ngày 01/02/2004, cháu thứ tư là Thảo Thị R sinh ngày 16/5/2009. Nguyên vọng của anh cháu Thảo Thị L đã trưởng thành vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ba cháu Thảo Thị C sinh ngày 20/7/2001, Thảo Seo L sinh ngày 01/02/2004, Thảo Thị R sinh ngày 16/5/2009 anh sẽ nhường quyền cho chị M chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu đến tuổi trưởng thành và anh không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu được vì hiện nay anh chấp hành hình phạt tù tại trại giam.

Về tài sản: Anh và chị Cư Thị M không có tài sản gì riêng sau khi lấy nhau về tạo dựng được một số tài sản chung như nhà, đất thổ cư, đất ruộng, đất nương nhưng anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Anh và chị Cư Thị M không nợ ai và không cho người khác vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau:

+, Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về công tác xây dựng hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của phiên tòa sơ thẩm, không vi phạm thủ tục tố tụng.

+, Về hướng giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án. Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị M và anh M có mâu thuẫn, mặt khác anh M vi phạm pháp luật hiện đang chấp hành hình phạt 20 năm tù, anh, chị cõng hỏi theo phong tục tập quán địa phương, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Vì vậy đã vi phạm vào khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện"; “ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Vì vậy nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay do mâu thuẫn gia đình chị M làm đơn xin ly hôn vì vậy không công nhận quan hệ giữa chị Cư Thị M và anh Thảo D là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có bốn người con chung gồm: Cháu Thảo Thị L sinh ngày 02/8/1998, cháu Thảo Thị C sinh ngày 20/7/2001, cháu Thảo Seo L sinh ngày 01/02/2004, cháu Thảo Thị R sinh ngày 16/5/2009. Cháu Thảo Thị L đã trưởng thành chị M và anh M không yêu cầu giải quyết. Căn cứ vào ý kiến của các bên (chị M muốn được nuôi dưỡng, chăm

sóc các cháu C, L và R đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; còn ý kiến của anh M do anh đang chấp hành án phạt tù nên nếu ly hôn anh nhất trí để cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu C, L, R và tại các bản tự khai của cháu C, L, R nguyện vọng nếu bố, mẹ ly hôn cháu xin ở với chị Cư Thị M) Hiện nay các cháu C, L và R đang ở với chị M và tại đơn xin xác nhận mức thu nhập của Ủy ban nhân dân xã L chị M có mức thu nhập là 2.000.000đồng/tháng còn anh M đang chấp hành hình phạt tù nên không có điều kiện nuôi dưỡng các cháu C, L và R được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1,2 điều 81; khoản 1,3 điều 82; khoản 1,2 điều 83 Luật hôn nhân gia đình, khoản 2 điều 207; khoản 2 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Không công nhận chị Cư Thị M và anh Thảo D là quan hệ vợ chồng và giao các cháu Thảo Thị C, Thảo Seo L và Thảo Thị R cho chị Cư Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ. Do bị đơn Thảo D hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Q tỉnh T, nên Tòa án tiến hành lấy lời khai của đương sự ngoài trụ sở Tòa án. Biên bản lấy lời khai của đương sự được thực hiện đúng với quy định tại điều 98 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án không hòa giải được vì bị đơn anh Thảo D có lý do chính đáng theo quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 21/12/2017 anh M có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cư Thị M và anh Thảo D lấy nhau vào năm 1997, hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc. Anh, chị c^ốối h^ải theo phong tục tập quán địa ph^ương, nh^ững không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Vì vậy đã vi phạm vào khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện"; “ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Vì vậy nên không đ^uợc pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay do mâu thuẫn gia đình chị M làm đơn xin ly hôn

vì vậy không công nhận quan hệ giữa chị Cư Thị M và anh Thào D là quan hệ vợ chồng.

[3]. Về con: Trong thời gian chung sống, anh chị có bốn người con chung cháu lớn là Cháu Thào Thị L sinh ngày 02/8/1998, cháu Thào Thị C sinh ngày 20/7/2001, cháu Thào Seo L sinh ngày 01/02/2004, cháu Thào Thị R sinh ngày 16/5/2009. Nguyên vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn anh M thì chị sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Thào Thị C, Thào Seo L và Thào Thị R đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho các cháu C, L và R. Hiện nay cháu Thào Thị L đã đến tuổi trưởng thành vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay anh M không có mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai, bị đơn Thào D cũng đồng ý để chị M nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Thào Thị C, Thào Seo L và Thào Thị R đến tuổi trưởng thành. Vì hiện nay anh đang chấp hình phạt tù tại trại giam không chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu C, L, R được hơn nửa tại bản tự khai của các cháu C, L, R nguyên vọng của cháu nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với chị Cư Thị M. Tại đơn xin xác nhận mức thu nhập của Ủy ban nhân dân xã L chị M có mức thu nhập là 2.000.000đồng/tháng. Vì vậy nên giao cháu Thào Thị C sinh ngày 20/7/2001, cháu Thào Seo L sinh ngày 01/02/2004, cháu Thào Thị R sinh ngày 16/5/2009 cho chị Cư Thị M chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục nên áp dụng Điều 15; khoản 1,2 Điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2015 để giải quyết.

[4]. Về tài sản: Chị M và anh M không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về khoản nợ: Chị M và anh M không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ vì vậy Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Cư Thị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1,2 Điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2015. khoản 2 Điều 207; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Cư Thị M và anh Thào D là quan hệ vợ chồng.

Về con: Giao các cháu Thào Thị C sinh ngày 20/7/2001, Thào Seo L sinh ngày 01/02/2004, Thào Thị R sinh ngày 16/5/2009. cho chị Cur Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh M không phải đóng góp tiền nuôi con chung. Anh Thào D có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chị Cur Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0000161 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Chị Cur Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thào D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+ huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Ủy ban nhân dân xã L.
- Các đương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Đặng Hải Quân